

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/DS-PT

Ngày: 28-7-2020

V/v: Tranh chấp quyền về tiêu nước
trong canh tác

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Công

Ông Nguyễn Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền về tiêu nước trong canh tác*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn G, sinh năm 1984 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm: 1987. Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2019 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn N, sinh năm: 1957 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã L, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1960 (có mặt);

3.2. Bà Lê Thị V, sinh năm: 1987 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã L, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người làm chứng:*

4.1. NLC1, sinh năm: 1959 (có mặt);

4.2. NLC2, sinh năm: 1973 (vắng mặt);

4.3. NLC3, sinh năm: 1977 (có mặt);

4.4. NLC4, sinh năm: 1971 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã L, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

4.5. NLC5, sinh năm: 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn T2, xã L, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

5. *Người kháng cáo:* Ông Hà Văn G là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2009, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng thửa đất số 252, tờ bản đồ số 38 thuộc thôn T2, xã L, huyện S, tỉnh Ninh Thuận của ông A (không rõ họ tên, địa chỉ). Thời điểm nhận chuyển nhượng, trên đất có một con mương thoát nước do ông A mở đi qua ruộng của ông B (không rõ họ tên, địa chỉ) ra suối nên khi nhận đất, vợ chồng ông tiếp tục sử dụng con mương thoát nước này. Tuy nhiên, đến năm 2010, ông N nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất của ông B và san ủi con mương thoát nước nói trên, dẫn đến đất của vợ chồng ông bị ngập úng không canh tác được, vì thế, ông đã mở một lối thoát nước khác từ đất của vợ chồng ông thoát xuống ruộng ông N nhưng ông N chặn lại. Nay, ông đề nghị Tòa án buộc ông N phải mở lối thoát nước cho gia đình ông để cho gia đình ông canh tác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Năm 2010, vợ chồng ông có nhận sang nhượng của ông B (không rõ họ tên, địa chỉ) 01 lô đất nông nghiệp gồm các thửa đất số 410, 411, 412, 413, tờ bản đồ số 38 xã L. Sau khi nhận chuyển nhượng, do đất ông B có phần trũng sâu nên ông đã san ủi lại phần giáp ranh với ông G, canh tác trồng lúa cho đến nay và hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCQSDĐ). Trước đây, chủ đất cũ canh tác và thoát nước qua mương giáp đất NLC4 nhưng khi ông G nhận sang nhượng lại, ông G mua đất san ủi, nâng đường chặn lại lối thoát nước qua mương và xả nước xuống ruộng của ông làm ảnh hưởng việc canh tác của gia đình ông

nên ông đã chặn lại việc xả nước của ông G. Sau đó thì hai bên xảy ra tranh chấp. Nay ông G khởi kiện yêu cầu ông phải mở lối thoát nước cho ông G thì ông không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Hà Văn G. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc vợ chồng ông Bùi Văn N, bà Lê Thị Th mở lối thoát nước cho thửa đất số 252 của vợ chồng bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến của bị đơn ông Bùi Văn N, đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự số 41/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S quyết định:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 252 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn G về việc “*Tranh chấp quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề*”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí định giá tài sản, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2019, ông Hà Văn G kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Bùi Văn N mở lối thoát nước cho gia đình ông G.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, theo đó ông Bùi Văn N đồng ý cho ông Hà Văn G

mở mương thoát nước rộng 01m, được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6) theo Trích lục bản đồ địa chính lập ngày 18/6/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ nên được xem xét, giải quyết.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết “*Tranh chấp quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề*” là chưa phù hợp. Bởi lẽ, tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2019, ông Hà Văn G yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Văn N mở một mương tiêu nước để đảm bảo việc canh tác hoa màu của gia đình ông G trên thửa đất số 252, tờ bản đồ số 38 xã L. Do đó, quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp quyền về tiêu nước trong canh tác*” được quy định tại Điều 253 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hà Văn G có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Bùi Văn N mở lối tiêu nước cho gia đình ông. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Ông Bùi Văn N, bà Lê Thị Th đồng ý mở một mương tiêu nước cho ông Hà Văn G, bà Lê Thị V sử dụng. Mương tiêu nước được ông Bùi Văn N, bà Lê Thị Th và ông Hà Văn G, bà Lê Thị V thống nhất có chiều rộng là 01m, xuất phát từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 38 xã L, chạy dọc theo bờ đất hiện hữu giữa thửa đất số 410 và 412, tiếp giáp với bờ đất giữa thửa đất số 411 và 413 cùng thuộc tờ bản đồ số 38 xã L ra đến suối, được xác định theo các điểm (1,2,3,4,5,6) của Trích lục bản đồ địa chính ngày 18/6/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận trích lục. Ông Hà Văn G, bà Lê Thị V đồng ý chịu toàn bộ chi phí mở mương nước.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự; Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí:

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Hà Văn G đồng ý chịu toàn bộ chi phí thẩm định và đã nộp đủ.

Về án phí:

Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Hà Văn G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hà Văn G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Bùi Văn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Áp dụng: Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 253 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 12, 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự có nội dung như sau:

Ông Bùi Văn N, bà Lê Thị Th đồng ý mở một mương tiêu nước cho ông Hà Văn G, bà Lê Thị V sử dụng. Mương tiêu nước được ông Bùi Văn N, bà Lê Thị Th và ông Hà Văn G, bà Lê Thị V thống nhất có chiều rộng là 01m, xuất phát từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 38 xã L, chạy dọc theo bờ đất hiện hữu giữa thửa đất số 410 và 412, tiếp giáp với bờ đất giữa thửa đất số 411 và 413 cùng thuộc tờ bản đồ số 38 xã L ra đến suối, được xác định theo các điểm (1,2,3,4,5,6) của Trích lục bản đồ địa chính ngày 18/6/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận trích lục.

Về chi phí đào mương tiêu nước ông Hà Văn G, bà Lê Thị V tự nguyện chịu toàn bộ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Hà Văn G đồng ý chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

Về án phí:

Ông Hà Văn G không chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông G 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0018746 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Ông Bùi Văn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hà Văn G không chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông G 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0019957 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/7/2020).

(Kèm theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 18/6/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận)

Nơi nhận:

- Đương sự (4);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện S (1);
- Chi cục THADS huyện S (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Dịu

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Được

Võ Minh Công

Trần Thị Diệu